

Số: 41/2020/QĐST-HNGĐ

Thạch Hà, ngày 23 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 43/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01/6/2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N**, sinh năm: 1997;

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 222, đường T, phường Nguyễn D, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở hiện nay: Xóm 6, xã Thạch T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị đơn: Anh **Võ Tá T**, sinh năm: 1993;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Số nhà 222, đường T, phường Nguyễn D, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N**, sinh năm: 1997.

Bị đơn: Anh **Võ Tá T**, sinh năm: 1993.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về tình cảm:** Chị Trần Thị N và anh Võ Tá T thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Hai đương sự thống nhất có 01 con chung tên là Võ Tá K, sinh ngày: 13/12/2019. Ly hôn chị Trần Thị N và anh Võ Tá T thỏa thuận, thống nhất giao con chung Võ Tá K cho chị Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Võ Tá K đến tuổi trưởng thành. Anh Võ Tá T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*)/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi vợ chồng có quyết định ly hôn cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Khi quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Trần Thị N có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Võ Tá T không chịu đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc đóng không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu một khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 BLDS năm 2015.

Anh Võ Tá T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm hay cản trở.

- **Về tài sản chung:** Hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Hai đương sự không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Trần Thị N tự nguyện nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm và nộp thay cho anh Võ Tá T số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền áp phí cấp dưỡng nuôi con. Số tiền này được khấu trừ cho chị N trong số tiền 300.000đ (*Ba trăm năm nghìn đồng*) mà chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003526, ngày 27/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ný sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Thạch Hà;
- Chi cục THADS huyện Thạch Hà;
- UBND xã Thạch T, huyện Thạch Hà (để xóa đăng ký);
- Các đương sự;
- Văn phòng Tòa án(để công bố CTTĐT);
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Khắc Hoàn

